

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH LỤC
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17/01/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Long và bà Nguyễn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 17/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 30/2022/TLST - HNGĐ ngày 20/10/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1969; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: xóm L, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị Ng, sinh năm 1973; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn 5, xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Xuân T trình bày:

Anh và chị Trần Thị Ng tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 19/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Nam Định. Trước khi cưới có tự nguyện tìm hiểu; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm L, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định được khoảng 05 tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến đầu năm 2008 chị Ng bỏ về quê nhà chị Ng ở hẳn, không còn chung sống cùng anh nữa và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn chị Ng.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị Ng không có thiện chí hợp tác, không ký nhận và không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, từ chối trình bày ý kiến của mình bằng văn bản nên Tòa án đã lấy lời khai của chị Ng, tại biên bản lấy lời khai chị Ng có quan điểm:

Chị và anh Nguyễn Xuân T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 19/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Nam Định. Trước khi cưới có tự nguyện tìm hiểu; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm L, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định được khoảng 05 tháng thì xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hòa hợp về tình cảm, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị xác định vợ chồng chỉ sống chung với nhau được 05 tháng thì chị về quê sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay khoảng 15 năm. Chị Ng xác định chị không còn tình cảm gì với anh T, nay anh T đề nghị ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị Ng xác định, anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 10/8/2008; hiện cháu Th khỏe mạnh, đang ở với chị Ng. Ly hôn, anh T đề nghị để chị Ng tiếp tục nuôi cháu Th và anh không phải cấp dưỡng nuôi cháu Th cho chị Ng. Hiện nay anh làm nghề tự do, không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không có khả năng cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Th tuy nhiên anh xác định sẽ có trách nhiệm với cháu đến khi cháu trưởng thành. Ly hôn, chị Ng đề nghị để chị tiếp tục nuôi cháu Th và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Th cho chị.

- Về con riêng: Anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Thị Ng xác định, chị Ng không có con riêng, còn anh T có 02 con riêng (với người vợ trước là chị Trần Thị H đã chết năm 2006) gồm cháu Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 26/8/1993 (đã chết năm 2020) và cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 01/10/1995. Hiện tại cháu Q đã trưởng thành và tự lập. Ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh T, chị Ng đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam có quan điểm: Về tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Bình Lục thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn anh Nguyễn Xuân T thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chị Trần Thị Ng chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc

giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T với chị Ng. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị Ng.

2. Về con chung, giao cháu Nguyễn Xuân Th cho chị Ng nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất nông nghiệp, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh T, chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T, chị Ng phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Xuân T xin ly hôn chị Trần Thị Ng, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chị Ng có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 5, xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do chị Ng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Bình Lục tiến hành xét xử vắng mặt chị Ng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Thị Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Nam Định ngày 19/9/2007 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống với nhau được khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến đầu năm 2008, chị Ng đã bỏ về quê chị tại thôn 5, xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam sinh sống, không còn chung sống cùng anh và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay cả anh T và chị Ng đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn của vợ chồng anh T, chị Ng xảy ra đã lâu, đời sống chung của vợ chồng đã chấm dứt từ năm 2008 đến nay đã 15 năm, vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Xét khả năng vợ chồng anh T, chị Ng đoàn tụ là không còn; anh T xin ly hôn với chị Ng và chị Ng đồng

ý ly hôn. Do vậy chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị Ng là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con: Anh T và chị Ng đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 10/8/2008. Ly hôn, anh T và chị Ng đều có quan điểm để chị Ng tiếp tục nuôi cháu Th và anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Th cho chị Ng. Hội đồng xét xử thấy rằng, thực tế chị Ng nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Th từ khi sinh ra đến nay; hiện cháu khỏe mạnh và để đảm bảo ổn định cuộc sống sinh hoạt cho cháu nên chấp nhận đề nghị của anh T, chị Ng; giao cho chị Ng nuôi dưỡng cháu Th, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Ng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Th và phù hợp với quan điểm của chính quyền xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Về con riêng: Chị Ng không có con riêng, còn anh T có 02 con riêng (với người vợ trước là chị Trần Thị H đã chết năm 2006) gồm cháu Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 26/8/1993 (đã chết năm 2020) và cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 01/10/1995. Hiện tại cháu Q đã trưởng thành và tự lập. Ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh T, chị Ng đều không đề nghị giải quyết.

[5] Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân T, chị Trần Thị Ng; mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Anh T xin chịu toàn bộ án phí cả phần của chị Ng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân T và chị Trần Thị Ng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 10/8/2008 cho chị Trần Thị Ng nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ng.

Chị Ng và các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Xuân Th.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Xuân T chịu toàn bộ án phí cả phần của chị Trần Thị Ng. Chuyển số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh T đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2021/0000475 ngày 20/10/2022 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà anh, chị phải nộp (anh T, chị Ng đã thi hành xong tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Nguyễn Xuân T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; chị Trần Thị Ng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã V; huyện B;
- UBND xã M, M, tỉnh Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hằng